

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2023/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 11 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHOÁ XII KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu, thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

1. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“Điều 3a. Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công)

Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (*không thuộc đối tượng là tài sản công*) sử dụng vốn nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện như thẩm quyền mua sắm tài sản công tại Quy định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các tài sản công sau đây:

a) Trụ sở làm việc.

b) Xe ô tô các loại và các phương tiện vận tải khác có động cơ (*trừ xe mô tô, xe gắn máy*).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh (*đơn vị dự toán cấp 1*) căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho cơ quan mình và các cơ quan trực thuộc (*trừ tài sản công quy định tại khoản 1 và nội dung phân cấp tại khoản 4 Điều này*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý cấp huyện (*trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này*).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho cơ quan mình có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này*). ”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt

động của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh (*đơn vị dự toán cấp 1*) quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan mình và các cơ quan trực thuộc (*trừ loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (*trừ loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này*).”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc; xe ô tô các loại và các phương tiện vận tải khác có động cơ (*trừ xe mô tô, xe gắn máy*) giữa các sở, ngành thuộc địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (*trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này*) giữa các sở, ngành thuộc địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này*) giữa các sở, ngành thuộc địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các tài sản công sau đây:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô các loại và các phương tiện vận tải khác có động cơ (*trừ xe mô tô, xe gắn máy*).

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (*đơn vị dự toán cấp 1*) căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định,

quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho đơn vị mình và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (*trừ tài sản công quy định tại khoản 1 và nội dung phân cấp tại khoản 4 Điều này*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý cấp huyện (*trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này*).

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho đơn vị mình có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này*).

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (*đơn vị dự toán cấp 1*) quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị mình và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (*trừ loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (*trừ loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này*).

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận: *Vuu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang
Dương Văn Trang